

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

KẸO DẪO DR.BEAR VỊ TRÁI CÂY TỔNG HỢP HÌNH GẤU

TCCS 12/VDN/2025

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 12/VDN/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Kẹo dẻo Dr.Bear vị trái cây tổng hợp hình gấu

2. Thành phần: Sirô glucose, đường, gelatin, chất điều chỉnh độ acid (296, 330), chất làm dày (440), nước ép táo cô đặc (0,31%), chất điều chỉnh độ acid (270), hỗn hợp hương liệu trái cây giống tự nhiên (nho, dâu tây, táo, quýt, cam), chất làm bóng (903), nước ép cam cô đặc (0,09%), chất điều chỉnh độ acid (325), nước ép nho cô đặc (0.04%), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), nước ép dâu tây cô đặc (0,03%), chất điều chỉnh độ acid (452(i)) phẩm màu tổng hợp (110, 129, 102, 133).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

20g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì PET12/VMPET12PE40.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: DONGGUAN HSU CHI FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: No. 29 Shichang Road, Dongcheng Street, Dongguan City, Guangdong Province, China

Xuất xứ: Trung Quốc.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Kẹo dẻo Dr.Bear vị trái cây tổng hợp hình gấu” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.15, 2.26, 3.32, 4.11).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 06 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: KẸO	Số: TCCS 12/VDN/2025
	Sản phẩm: KẸO DẼO DR.BEAR VỊ TRÁI CÂY TỔNG HỢP HÌNH GẤU	Có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu : Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Độ ẩm	g/100g	≤ 35,0
2	Năng lượng	kcal/100g	≤ 450
3	Hàm lượng chất béo	g/100g	≤ 0,5
4	Hàm lượng Protein	g/100g	≥ 4,6
5	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)	g/100g	≥ 59
6	Hàm lượng đường tổng số (tính theo glucose)	g/100g	≤ 65
7	Hàm lượng đường khử (tính theo glucose)	g/100g	≥ 10
8	Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	≤ 82
9	Hàm lượng tro không tan trong HCl 10%	g/100g	≤ 0,1

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	Escherichia coli	CFU/g	10
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10
5	Clostridium perfringens	CFU/g	10
6	Bacillus cereus	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.15, 2.26, 3.32, 4.11).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,5

4

Hàm lượng thủy ngân (Hg)

mg/kg

0,05

2. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:**Ngày sản xuất:** 18 tháng trước hạn sử dụng**Hạn sử dụng:** Xem trên bao bì.**3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- **Hướng dẫn sử dụng:** Ăn liền sau khi mở bao bì.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời và nhiệt độ trên 36°C.

4. Thông tin cảnh báo:

Sản phẩm có thể chứa trứng.

5. Nội dung ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

*Đồng Nai, ngày 31 tháng 06 năm 2025***TỔNG GIÁM ĐỐC****NI CHIH HAO**

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

ĐT: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm:

KẸO DẼO DR.BEAR VỊ TRÁI CÂY TỔNG HỢP HÌNH GẤU

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
- Độ ẩm - Năng lượng - Hàm lượng chất béo - Hàm lượng Protein - Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ) - Hàm lượng đường tổng số (tính theo glucose) - Hàm lượng đường khử (tính theo glucose) - Hàm lượng Natri (Na) - Hàm lượng tro không tan trong HCl 10% - Tổng số vi sinh vật hiếu khí - <i>Coliforms</i> - <i>Escherichia coli</i> - <i>Staphylococcus aureus</i> - <i>Clostridium perfringens</i> - <i>Bacillus cereus</i> - Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc - Hàm lượng Cadimi (Cd) - Hàm lượng chì (Pb) - Hàm lượng Asen (As) - Hàm lượng thủy ngân (Hg)	1 năm / 1 lần	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 11 tháng 06 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ HẠO



DR. BEAR Mixed Fruit Flavor Bear Shape Gummy

Ingredient: Glucose syrup, sugar, gelatin, acidity regulator (E330), thickening agent (E440), concentrated apple juice (6.21%), acidity regulator (E330), natural identical mixed fruit flavoring (lemon, strawberry, apple, tangerine, orange), glazing agent (E902), concentrated orange juice (10.9%), acidity regulator (E330), concentrated grape juice (10.9%), acidity regulator (E330), concentrated strawberry juice (10.9%), acidity regulator (E330), synthetic colorant (E102, E122, E124, E129).

Allergen Information: Product may contain egg.

Net Weight: 20 g

Kẹo dẻo DR. BEAR vị trái cây tổng hợp hình gấu

Thành phần: Sirô glucose, đường, gelatin, chất điều chỉnh độ acid (E330, E330), chất làm dày (E440), nước ép táo cô đặc (6,21%), chất điều chỉnh độ acid (E330), hương liệu trái cây tổng hợp nhân tạo (táo, dâu tây, cam, quýt, cam), chất làm bóng (E902), nước ép cam cô đặc (10,9%), chất điều chỉnh độ acid (E330), nước ép nho cô đặc (10,9%), chất điều chỉnh độ acid (E330), nước ép dâu tây cô đặc (10,9%), chất điều chỉnh độ acid (E330), phẩm màu tổng hợp (E102, E122, E124, E129).

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể chứa trứng.

Khối lượng tịnh: 20 g

MFG: 18 months before EXP **HSK:** 18 tháng trước HSD

EXP: Refer to the packaging **HSK:** Xem trên bao bì

Nhà sản xuất: DONGGUAN HSU CHI FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: No. 29 Shichang Road, Dongcheng Street, Dongguan City, Guangdong Province, China

Trưởng phân khu: phân phối và chịu trách nhiệm về chất

Nhưng hàng hóa: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thới, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 999 902 **Website:** www.vedan.com.vn

TCS: 12/NDN/2025

Country of origin: Product: China **Xuất xứ:** Trung Quốc

Sản xuất bởi công ty con của Nestlé

Recommended storage: Store in a cool dry place, keep away from direct sunlight and the temperature over 35°C.

Direction for use: Eat right after opening.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời và nhiệt độ trên 35°C.

Hướng dẫn sử dụng: Ăn sau khi mở bao bì.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g)

Năng lượng	≤	450 kcal
Chất đạm	≥	4,6 g
Carbohydrat	≥	59 g
Chất béo	≤	0,5 g
Natri	≤	82 mg
Đường tổng số	≤	65 g



HÌNH ẢNH PHÓNG TO NHÃN SẢN PHẨM
KẸO DẼO DR.BEAR VỊ TRÁI CÂY TỔNG HỢP HÌNH GẤU 20 g

Kẹo dẻo DR.BEAR vị trái cây tổng hợp hình gấu

Thành phần: Sirô glucose, đường, gelatin, chất điều chỉnh độ acid (296, 330), chất làm dày (440), nước ép táo cô đặc (0,31%), chất điều chỉnh độ acid (270), hỗn hợp hương liệu trái cây giống tự nhiên (nho, dâu tây, táo, quýt, cam), chất làm bóng (903), nước ép cam cô đặc (0,09%), chất điều chỉnh độ acid (325), nước ép nho cô đặc (0,04%), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), nước ép dâu tây cô đặc (0,03%), chất điều chỉnh độ acid (452(ii)), phẩm màu tổng hợp (110, 129, 102, 133).

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể chứa trứng

Khối lượng tịnh: 20 g

MFG: 18 months before EXP **NSX:** 18 tháng trước HSD

EXP: Refer to the packaging **HSD:** Xem trên bao bì

Nhà sản xuất: DONGGUAN HSU CHI FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: No. 29 Shichang Road, Dongcheng Street, Dongguan City, Guangdong Province, China

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất

lượng hàng hóa: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902 Website: www.vedan.com.vn

TCCS 12/VDN/2025

Country of origin: Product of China **Xuất xứ:** Trung Quốc

Sản xuất bởi công ty con của Nestlé

Recommended storage: Store in a cool dry place, keep away from direct sunlight and the temperature over 36°C.

Direction for use: Eat right after opening.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời và nhiệt độ trên 36°C.

Hướng dẫn sử dụng: Ăn liền sau khi mở bao bì.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng
(có trong 100 g)

Năng lượng	≤	450 kcal
Chất đạm	≥	4,6 g
Carbohydrat	≥	59 g
Chất béo	≤	0,5 g
Natri	≤	82 mg
Đường tổng số	≤	65 g

DR. BEAR Mixed Fruit Flavor Bear Shape Gummy

Ingredient: Glucose syrup, sugar, gelatin, acidity regulator (296, 330), thickening agent (440), concentrated apple juice (0.31%), acidity regulator (270), nature-identical mixed fruit flavoring (grape, strawberry, apple, tangerine, orange), glazing agent (903), concentrated orange juice (0.09%), acidity regulator (325), concentrated grape juice (0.04%), acidity regulator (331(iii)), concentrated strawberry juice (0.03%), acidity regulator (452(ii)), synthetic colorant (110, 129, 102, 133).

Allergen Information: Product may contain egg.





中国认可
国际互认
检测
TESTING
CNAS L6255

TRANSLATION
BẢN DỊCH

China Foods Detection and Research Institute Co.,Ltd

Báo cáo kiểm tra

SỐ: 2506179W1

Thông tin mẫu và khách hàng:

Tên mẫu: Kẹo dẻo DR.BEAR vị trái cây tổng hợp hình gấu

Nhãn hiệu: DR.BEAR

Quy cách, loại: 6 (20×20g)

Ngày sản xuất / Số lô: 20250410C

Loại mẫu: Kẹo dẻo hỗn hợp gelatin

Cấp mẫu: ----

Tình trạng mẫu: Tốt

Số lượng mẫu: 2kg

Nhà sản xuất: DONGGUAN HSU CHI FOOD CO.,LTD.

Địa chỉ nhà sản xuất: NO. 29 SHICHANG ROAD, DONGCHENG, DONGGUAN, GUANGDONG, CHINA

Khách hàng: DONGGUAN HSU CHI FOOD CO.,LTD.

Thông tin liên hệ của khách hàng: NO. 29 SHICHANG ROAD, DONGCHENG, DONGGUAN, GUANGDONG, CHINA

Ghi chú:

Nhà nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Thông tin liên hệ của khách hàng: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Thông tin kiểm tra:

Hình thức nhận mẫu: Giao hàng

Loại kiểm nghiệm: Ủy thác

Ngày nhận mẫu: 16-04-2025

Ngày kiểm tra: 16-04-2025 đến 27-04-2025

Tiêu chuẩn kiểm tra: SB/T 10021-2017 Kẹo dẻo, GB 28050-2011 Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm - Tiêu chuẩn chung về ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm đóng gói sẵn

Kết luận kiểm tra:

Mục kiểm tra số 1 đến số 5 của mẫu này đáp ứng yêu cầu của SB/T 10021-2017 Kẹo dẻo, mục số 6 đến số 21 chỉ cung cấp dữ liệu kiểm tra.

Ngày phát hành: 27-04-2025

Người ký được ủy quyền
ký tên:

Kiểm toán viên:

Người soạn:

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tòa nhà 4, Số 1, Đường Khoa học 10, Hồ Songshan, Đồng Quan, Quảng Đông.

Điện thoại: 0769-23077777. Fax: 0769-23077033.

Báo cáo kiểm tra

SỐ: 2506179W1

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả kiểm tra	Kết luận	Phương pháp kiểm tra
1.	Hàm lượng bay hơi khi sấy g/100g	$\leq 35,0$	16,1	Đạt	SB/T 10021-2017 Phụ lục A
2.	Đường khử (tính theo glucose) g/100g	$\geq 10,0$	19,7	Đạt	GB 5009.7-2016 phương pháp thứ nhất
3.	Chì (Pb) mg/kg	$\leq 0,5$	$< 0,1$	Đạt	GB 5009.12-2023 phương pháp thứ nhất
4.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí CFU/g	n=5, c=2, m=10 ⁴ CFU/g, M=10 ⁵ CFU/g	$< 10, < 10,$ $< 10,$ $< 10, < 10$	Đạt	GB 4789.2-2022
5.	Coliform CFU/g	n=5, c=2, m=10 CFU/g, M=10 ² CFU/g	$< 10, < 10,$ $< 10,$ $< 10, < 10$	Đạt	GB 4789.3-2016 phương pháp thứ hai
6.	Tổng hàm lượng đường (tính theo glucose) g/100g	/	51,5	/	GB 5009.8-2023 phương pháp thứ ba
7.	Tro không tan trong axit g/100g	/	$< 0,1$	/	GB 5009.4-2016 phương pháp thứ ba
8.	Tổng asen (As) mg/kg	/	$< 0,1$	/	GB 5009.11-2024 phương pháp thứ nhất trong phần thứ nhất
9.	Cadimi (Cd) mg/kg	/	$< 0,01$	/	GB 5009.15-2023 phương pháp thứ nhất
10.	Tổng thủy ngân (Hg) mg/kg	/	$< 0,01$	/	GB 5009.17-2021 phương pháp thứ nhất trong phần thứ nhất
11.	Nấm mốc CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.15-2016 phương pháp thứ nhất
12.	Nấm men CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.15-2016 phương pháp thứ nhất
13.	Staphylococcus aureus CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.10-2016 phương pháp thứ hai




Báo cáo kiểm tra

SỐ: 2506179W1

No.	Chỉ tiêu	Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả thử nghiệm	Kết luận	Phương pháp thử nghiệm
14.	Escherichia coli CFU/g	/	<10	/	GB 4789.38-2012 phương pháp thứ hai
15.	Clostridium perfringens CFU/g	/	<10	/	GB 4789.13-2012
16.	Bacillus cereus CFU/g	/	<10	/	GB 4789.14-2014 phương pháp thứ nhất
17.	Năng lượng kcal/100g	/	340	/	GB 28050-2011
18.	Protein g/100g	/	7,81	/	GB 5009.5-2016 phương pháp thứ nhất
19.	Chất béo g/100g	/	0.1	/	GB 5009.6-2016 phương pháp thứ hai
20.	Carbohydrate g/100g	/	75,9	/	GB 28050-2011
21.	Natri mg/100g	/	43,7	/	GB 5009.91-2017 phương pháp thứ nhất

Ghi chú : 1. Tro không tan trong axit là hàm lượng tro không tan trong 10% HCl.

2. Theo tiêu chuẩn phương pháp phát hiện GB 4789.38-2012, kết quả Escherichia coli được báo cáo là nhỏ hơn 10CFU/g khi tất cả các đĩa pha loãng đều không có sự phát triển của khuẩn lạc.

Kết thúc




Tuyên bố

SỐ: 2506179W1

1. Bất kỳ báo cáo nào không được ký bởi người phê duyệt có thẩm quyền, hoặc bị sửa đổi mà không có sự cho phép, hoặc không được đóng dấu "Con dấu kiểm tra/thử nghiệm chuyên dụng" và con dấu niêm phong đều được coi là không hợp lệ. Không được phép sao chép, trích dẫn một phần hoặc sửa đổi nội dung báo cáo nếu không có sự cho phép bằng văn bản của phòng thí nghiệm.
2. Kết quả thử nghiệm trình bày trong báo cáo chỉ áp dụng cho mẫu đã thử nghiệm. Thông tin sản phẩm và thông tin người nộp đơn do khách hàng cung cấp và phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của các thông tin này.
3. Mọi việc sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm cho mục đích quảng cáo vật liệu hoặc sản phẩm đã thử nghiệm đều phải được phòng thí nghiệm chấp thuận bằng văn bản.
4. Báo cáo không có dấu CMA do phòng thí nghiệm phát hành chỉ được phép sử dụng nội bộ bởi khách hàng và không được sử dụng cho mục đích trình bày công khai.
5. Nếu khách hàng không có ý kiến phản hồi nào trong vòng 15 ngày sau khi nhận được báo cáo, sẽ được coi là đã chấp nhận kết quả báo cáo.
6. Phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm thu hồi phiên bản điện tử của báo cáo gốc khi có bất kỳ sửa đổi nào được thực hiện. Người nộp đơn chịu trách nhiệm cung cấp phiên bản đã sửa đổi cho bất kỳ bên liên quan nào sử dụng báo cáo đó.
7. Nếu không có giải thích đặc biệt, quy tắc quyết định cho việc công bố sự phù hợp của kết quả thử nghiệm trong báo cáo được áp dụng theo "quy tắc quyết định chấp nhận đơn giản" (tức là phương pháp so sánh giá trị đầy đủ trong GB/T 8170) trong hướng dẫn vận hành phòng thí nghiệm "quy tắc quyết định sự phù hợp của kết quả thử nghiệm".
8. Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tòa nhà 4, Số 1, Đường Khoa học 10, Hồ Songshan, Đông Quán, Quảng Đông. ĐT: 0769-23077777. Fax: 0769-23077033.



Tôi, Đinh Thị Hòe, CCCD số: 040192044082 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp gày 09/12/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

ĐH

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2025

Tại: Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, địa chỉ tại: số 184 (Tầng trệt, Tầng Lửng, Phòng 102 – Lầu 1) Dương Bá Trạc, Phường Rạch Ông, Quận 8, Thành phố. Hồ Chí Minh.
Tôi ...*Huỳnh Dũng Tiến*..., công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do Ông/Bà: Đinh Thị Hòe, cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Việt Cường, tỉnh (thành phố): Thành phố Hồ Chí Minh. Dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của Ông/Bà: Đinh Thị Hòe;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành...*02*... bản chính, mỗi bản gồm ...*5*... tờ, ...*5*... trang.

Số công chứng *5985*, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Huỳnh Dũng Tiến



中国认可
国际互认
检测
TESTING
CNAS L6255

中食检测研究院有限公司
China Foods Detection and Research Institute Co.,Ltd

检验报告 Test Report

第 1 页/共 4 页

NO.: 2506179W1

样品及委托方信息 (Sample and Client Information):

样品名称 (Sample Name): 熊博士熊仔型果汁软糖 (混合水果味) DR.Bear Mixed Fruit Flavor Bear Shape Gummy

商标 (Trademark): 熊博士 DR.Bear

规格型号 (Specification, Type): 6 (20×20g)

生产日期/批号 (Production Date / Batch No.): 20250410C

样品类型 (Sample Type): 混合胶型凝胶糖果 mixed gum gelatinized candy

样品等级 (Sample Grade): -----

样品状态 (Sample Status): 完好(Fine)

样品数量 (Sample Quantity): 2 千克 2kg

生产单位 (Manufacturer): 东莞徐记食品有限公司 DONGGUAN HSU CHI FOOD CO.,LTD.

生产单位地址 (Address of Manufacturer): 广东省东莞市东城街道狮长路 29 号 NO. 29 SHICHANG ROAD, DONGCHENG, DONGGUAN, GUANGDONG, CHINA

委托方 (Client): 东莞徐记食品有限公司 DONGGUAN HSU CHI FOOD CO.,LTD.

委托方联络信息 (Contact Information of Client): 广东省东莞市东城街道狮长路 29 号 NO. 29 SHICHANG ROAD, DONGCHENG, DONGGUAN, GUANGDONG, CHINA

备注 (Remarks):

进口商信息: 进口商(Importer): VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD.

进口商联络信息 (Contact Information of Client): National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, DongNai Province, Vietnam

检验信息 (Test Information):

来样方式 (Mode of Sample Arrival): 送样(Deliver)

检验类别 (Test Type): 委托检验(Entrust)

收样日期 (Date Received): 2025-04-16

检验日期 (Test Date): 2025-04-16 至 (to) 2025-04-28

检验依据 (Test Standard): SB/T 10021-2017《糖果 凝胶糖果》, GB 28050-2011《食品安全国家标准 预包装食品营养标签通则》

SB/T 10021-2017 Gelatinized candy, GB 28050-2011 National Food Safety Standard--General Standard for Nutrition Labeling of Prepackaged Foods

检验结论 (Test Conclusion):

该样品所检项目中第 1 ~ 5 项符合 SB/T 10021-2017《糖果 凝胶糖果》要求, 第 6 ~ 21 项只提供数据。

Tested item(s) No. 1 ~ No. 5 of this sample meet(s) the requirement(s) of SB/T 10021-2017 Gelatinized candy, No. 6 ~ No. 21 only provide(s) test data.

签发日期 (Date of Issue): 2025-04-28

授权签字人:

Authorized Signatory

审核:

Auditor

编制:

Editor

实验室地址: 广东省东莞市松山湖园区科技十路1号4栋。联系电话: 0769-23077777, 传真: 0769-23077033。

Laboratory address: Building 4, No. 1, Keji 10th Road, Songshan Lake, Dongguan, Guangdong. Tel.: 0769-23077777. Fax: 0769-23077033.

中食检测研究院有限公司
China Foods Detection and Research Institute Co.,Ltd

检 验 报 告

Test Report

第 2 页/共 4 页

NO.: 2506179W1

序号 No.	项目 Item	技术要求 Technical Requirement	检测结果 Test Result	单项结论 Conclusion	检测方法 Test Method
1.	干燥失重 Loss on drying g/100g	≤ 35.0	16.1	合格 Qualified	SB/T 10021-2017 附录 A AppendixA
2.	还原糖(以葡萄糖计) Reducing sugar(calculating by glucose) g/100g	≥ 10.0	19.7	合格 Qualified	GB 5009.7-2016 第一法 the first method
3.	铅(以 Pb 计) Lead(Pb) mg/kg	≤ 0.5	< 0.1	合格 Qualified	GB 5009.12-2023 第一法 the first method
4.	菌落总数 Aerobic plate count CFU/g	n=5, c=2, m=10 ⁴ CFU/g, M=10 ⁵ CFU/g	< 10 , < 10 , < 10 , < 10 , < 10	合格 Qualified	GB 4789.2-2022
5.	大肠菌群 Coliforms CFU/g	n=5, c=2, m=10CFU/g, M=10 ² CFU/g	< 10 , < 10 , < 10 , < 10 , < 10	合格 Qualified	GB 4789.3-2016 第二法 the second method
6.	总糖(以葡萄糖计) Total sugar(calculating by glucose) g/100g	/	51.5	/	GB 5009.8-2023 第三法 the third method
7.	酸不溶性灰分 Acid-insoluble ash g/100g	/	< 0.1	/	GB 5009.4-2016 第三法 the third method
8.	总砷(以 As 计) Total arsenic(As) mg/kg	/	< 0.1	/	GB 5009.11-2024 第一篇第一法 the first method in the first part
9.	镉(以 Cd 计) Cadmium(Cd) mg/kg	/	< 0.01	/	GB 5009.15-2023 第一法 the first method
10.	总汞(以 Hg 计) Total hydrargyrum (Hg) mg/kg	/	< 0.01	/	GB 5009.17-2021 第一篇第一法 the first method in the first part
11.	霉菌 Mould CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.15-2016 第一法 the first method
12.	酵母 Yeast CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.15-2016 第一法 the first method
13.	金黄色葡萄球菌 Staphylococcus aureus CFU/g	/	< 10	/	GB 4789.10-2016 第二法 the second method



检 验 报 告

Test Report

第 3 页/共 4 页

NO.: 2506179W1

序号 No.	项目 Item	技术要求 Technical Requirement	检测结果 Test Result	单项结论 Conclusion	检测方法 Test Method
14.	大肠埃希氏菌 Escherichia coli CFU/g	/	<10	/	GB 4789.38-2012 第二法 the second method
15.	产气荚膜梭菌 Clostridium perfringens CFU/g	/	<10	/	GB 4789.13-2012
16.	蜡样芽胞杆菌 Bacillus cereus CFU/g	/	<10	/	GB 4789.14-2014 第一法 the first method
17.	能量 Energy kcal/100g	/	340	/	GB 28050-2011
18.	蛋白质 Protein g/100g	/	7.81	/	GB 5009.5-2016 第一法 the first method
19.	脂肪 Fat g/100g	/	0.1	/	GB 5009.6-2016 第二法 the second method
20.	碳水化合物 Carbohydrate g/100g	/	75.9	/	GB 28050-2011
21.	钠 Sodium mg/100g	/	43.7	/	GB 5009.91-2017 第一法 the first method

备注 (Remarks): 1、酸不溶性灰分是指 10%盐酸中不溶灰分含量。Acid insoluble ash refers to insoluble ash content in 10%HCl.
2、按照检测方法标准 GB 4789.38-2012, 当所有稀释度平板均无菌落生长, 大肠埃希氏菌结果报告为小于 10CFU/g。 According to the detection method standard GB 4789.38-2012, the result of Escherichia coli is reported to be less than 10CFU/g when all dilution plates are free of colony growth.

报告结束 (The end)



中食检测研究院有限公司
China Foods Detection and Research Institute Co.,Ltd

声 明
Statement

第 4 页/共 4 页

NO.: 2506179W1

1. 报告无授权签字人签字，或涂改，或未盖本实验室“检验检测专用章”及骑缝章无效。未经本实验室许可，不得部分复印、摘用或篡改本报告内容。

Any report having not been signed by authorized approver, or having been altered without authorization, or having not been stamped by both the "Dedicated Testing/Inspection Stamp" and the sealing stamp is deemed to be invalid. Copying or excerpting portion of, or altering the content of the report is not permitted without the written authorization of the laboratory.

2. 送样委托检验结果仅对来样有效。委托检验的样品信息及委托方信息均由委托方填写，本实验室不对其真实性及准确性负责。

The test results presented in the report apply only to the tested sample. The product information and the applicant information are provided by the customer and the laboratory assumes no responsibility for their validity and accuracy.

3. 未经本实验室书面同意，样品委托人不得擅自使用检验结果进行不当宣传。

Any use of the laboratory test result for advertisement of the tested material or product must be approved in writing by the laboratory.

4. 无CMA标志的报告，仅供使用方内部参考，不具有对社会的证明作用。

The non-CMA report issued by the laboratory is only permitted to be used by the client as internal reference use and shall not be used for public demonstration purpose.

5. 委托方收到报告十五日内未提出异议的，视为认可该报告结果。

If the client does not raise any objection within 15 days after receiving the report, it shall be deemed to recognize the report results.

6. 电子版报告更改后将不被追回，委托方有义务将更改后的报告提供给使用原报告的相关方。

The laboratory is not responsible for recalling the electronic version of the original report when any revision is made to them. The applicant assumes the responsibility of providing the revised version to any interested party who uses them.

7. 若无特别说明，报告中关于检测结果的符合性声明所采用的判定规则，按照本实验室作业指导书《检测结果符合性的判定规则》中“简单接受判定规则”（即GB/T 8170中全数值比较法）。

If there is no special explanation, the decision rules for the declaration of conformity of test results in the report is in accordance with the "simple acceptance decision rules" (i.e. the full value comparison method in GB/T 8170) in the laboratory operation instruction "decision rules for conformity of test results".

8. 实验室地址：广东省东莞市松山湖园区科技十路1号4栋。联系电话：0769-23077777，传真：0769-23077033。

Laboratory address: Building 4, No. 1, Keji 10th Road, Songshan Lake, Dongguan, Guangdong. Tel.: 0769-23077777. Fax: 0769-23077033.

